

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 4- 2023

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chiến Đ, sinh năm 1977.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 8, phường Q.T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 8, phường Q.T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Số 27, ngách 32, ngõ 354 đoạn 1 đường A.T, khu A.N, thành phố Đ.N, Đài Loan. (Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Chiến Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q.T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên vào tháng 12 năm 2008. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Nhưng chung sống được một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hôn nhân không hòa hợp, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân mệt mỏi. Chị Nguyễn Thị H đã nhiều lần bỏ nhà đi. Lần gần nhất chị H bỏ đi hơn một năm không về, bỏ lại các con để mình anh nuôi dưỡng. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn anh Đ xin được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu thứ nhất là Nguyễn Hồng A, sinh ngày 04/8/2011 và cháu thứ hai là Nguyễn Quốc B và cháu thứ ba Nguyễn Bảo D cùng sinh ngày 06/8/2013. Hiện nay đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 3 con chung. Về cấp dưỡng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của chị Nguyễn Thị H gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, bị đơn chị H trình bày quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chiến Đ kết hôn ngày 15/12/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q.T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Quá trình chung sống giữa chị và anh Đ bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện nay chị đang sống và làm việc tại quận A.N, thành phố Đ.N, Đài Loan. Anh Nguyễn Chiến Đ đang ở Việt Nam, vợ chồng đã ly thân nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ làm đơn xin ly hôn, chị H nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như anh Đ đã khai. Sau khi ly hôn anh Đ sẽ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng A, sinh năm 2011. Chị H sẽ nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Quốc B, sinh năm 2013 và Nguyễn Bảo D, sinh năm 2013.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Khi Tòa án giải quyết do chị đang ở nước ngoài nên không thể tham gia để giải quyết vụ án được, chị H đề nghị Tòa xét xử vắng mặt chị, và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chiến Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; Giao cả ba con chung là Nguyễn Hồng A, sinh năm 2011 và Nguyễn Quốc B, Nguyễn Bảo D cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H vì anh Đ không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 1259/PA01(XNC) ngày 09/02/2023 của Phòng An Ninh đối ngoại, Công an tỉnh Thái Nguyên xác định Nguyễn Thị H đã xuất cảnh ngày 30/7/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung:** Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Chiến Đ và chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q.T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Đ khai: Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Nhưng chung sống được một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hôn nhân không hòa hợp, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân mệt mỏi. Chị Nguyễn Thị H đã nhiều lần bỏ nhà đi. Lần gần nhất chị H bỏ đi hơn một năm không về, bỏ lại các con để mình anh nuôi dưỡng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống. Về phía bị đơn chị H cũng có bản tự khai thể hiện quan điểm xác định vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Về việc anh Đ xin ly hôn chị H nhất trí ly hôn.

Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị H đã thực sự trầm trọng, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự quan tâm và tH yêu nhau, mục đích hôn nhân không Đ được. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam “Vợ chồng có nghĩa vụ tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”. Anh Đ và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh Đ và chị H có 03 con chung là Nguyễn Hồng A, sinh ngày 04/8/2011 và Nguyễn Quốc B, Nguyễn Bảo D cùng sinh ngày 06/8/2013. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tại bản trình bày quan điểm của chị H gửi về cho Tòa án thể hiện quan điểm chị H nhất trí để anh Đ nuôi cháu Hồng A, chị xin được nuôi hai con là Nguyễn Quốc B và Nguyễn Bảo D. Tuy nhiên, hiện nay cả ba con đang ở cùng anh Đ còn chị H hiện

đang ở nước ngoài. Do vậy để đảm bảo sự ổn định và điều kiện tốt nhất của con trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao cả ba con chung là Nguyễn Hồng A, sinh ngày 04/8 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các cháu tại bản tự khai ngày 24/02/2023, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Chị H cũng không đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Anh Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên toà là có căn cứ.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Chiến Đ. Cho Anh Nguyễn Chiến Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Hồng A, sinh ngày 04/8/2011 và Nguyễn Quốc B, Nguyễn Bảo D cùng sinh ngày 06/8/2013 cho anh Nguyễn Chiến Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H do anh Đ không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Chiến Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000227 ngày 20/02/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh Nguyễn Chiến Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- UBND phường Q.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Lê Thị Hồng Phương**